

Số: 54 /2021/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 31 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện
Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương;

Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Căn cứ Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước;

Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại;

Căn cứ Thông tư số 40/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại;

Theo đề nghị của Sở Công thương tại Tờ trình số 55/TTr-SCT ngày 15 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo theo Quyết định này Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2021 và thay thế Quyết định số 97/2009/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2009 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế xây dựng và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Công thương, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

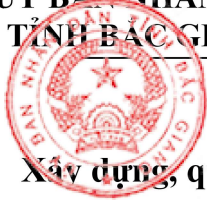
- Như Điều 3;
- Vụ Pháp luật-Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế, Cục XTTM-Bộ Công thương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh Bắc Giang;
- VP UBND tỉnh;
- + LDVP, các phòng, đơn vị, TTTT;
- + Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Thế Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

**Xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại
tỉnh Bắc Giang**

*(Kèm theo Quyết định số 54 /2021/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2021
của UBND tỉnh Bắc Giang)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Giang (sau đây gọi tắt là Chương trình).
2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình, các đơn vị tham gia thực hiện Chương trình, cơ quan quản lý Chương trình và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến Chương trình.
3. Những nội dung không có trong Quy chế này thì áp dụng theo các quy định hiện hành có liên quan.

Điều 2. Mục tiêu của Chương trình

1. Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển ngoại thương, thị trường trong nước.
2. Hỗ trợ công tác quy hoạch, vận hành hạ tầng thương mại.
3. Góp phần nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.
4. Tăng cường khả năng cạnh tranh, nâng cao lợi thế so sánh cho một số sản phẩm chủ lực, đặc trưng của tỉnh.
5. Gắn kết các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư và du lịch của tỉnh.

Điều 3. Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình

1. Đơn vị chủ trì bao gồm: Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại thuộc Sở Công thương; các tổ chức chính trị - xã hội, hiệp hội ngành hàng và các đơn vị được giao chức năng, nhiệm vụ xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh có đề án xúc tiến thương mại đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu, điều kiện quy định tại Quy chế này.

2. Đơn vị chủ trì phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Có tư cách pháp nhân.

b) Có khả năng huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện Chương trình; có kinh nghiệm, năng lực trong việc tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại.

c) Nắm rõ nhu cầu xúc tiến thương mại của các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

d) Thực hiện Chương trình nhằm mang lại lợi ích cho các đối tượng tham gia, không nhằm mục đích lợi nhuận.

3. Đơn vị chủ trì tiếp nhận kinh phí hỗ trợ để triển khai thực hiện Chương trình và có trách nhiệm quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình

1. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình gồm: các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, các hội, hiệp hội và các tổ chức xúc tiến thương mại Việt Nam được thành lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có trụ sở chính đặt tại tỉnh Bắc Giang hoặc phải có hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

b) Có văn bản đề nghị tham gia đề án thuộc Chương trình gửi đến đơn vị chủ trì trong thời gian quy định.

c) Ưu tiên các đơn vị sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng của tỉnh; sản phẩm OCOP; sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, khu vực, quốc gia; sản phẩm có thương hiệu, nhãn hiệu đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

3. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình được hỗ trợ kinh phí theo quy định tại Quy chế này và chịu trách nhiệm nâng cao hiệu quả các đề án xúc tiến thương mại mà đơn vị tham gia.

Điều 5. Quản lý nhà nước về Chương trình

1. Sở Công thương là cơ quan được UBND tỉnh giao trách nhiệm quản lý nhà nước về Chương trình.

2. Nội dung quản lý nhà nước về Chương trình.

a) Hướng dẫn xây dựng đề án xúc tiến thương mại theo quy định tại Quy chế này.

b) Đánh giá, thẩm định các đề án xúc tiến thương mại, tổng hợp vào Chương trình xúc tiến thương mại hàng năm của tỉnh và trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

c) Tổ chức triển khai, giám sát, kiểm tra việc thực hiện các đề án thuộc Chương trình.

d) Quản lý kinh phí xúc tiến thương mại tỉnh, phối hợp quản lý kinh phí thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại thực hiện tại địa phương.

đ) Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Công thương theo quy định.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được hình thành từ các nguồn sau:

a) Ngân sách trung ương hỗ trợ để thực hiện Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại tại địa phương.

b) Ngân sách tỉnh phân bổ theo kế hoạch hàng năm.

c) Đóng góp của các doanh nghiệp tham gia Chương trình.

d) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

đ) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí cho Chương trình theo nguyên tắc:

a) Kinh phí thực hiện Chương trình được giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm của Sở Công thương.

b) Hỗ trợ kinh phí cho đơn vị tham gia thực hiện Chương trình thông qua đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình; trong cùng một nội dung, không xem xét hỗ trợ kinh phí từ nguồn xúc tiến thương mại này cho đơn vị tham gia đã được hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác của Nhà nước.

3. Kinh phí Chương trình được sử dụng cho mục đích sau:

a) Chi cho các nội dung xúc tiến thương mại được quy định tại Điều 7, Điều 8 của Quy chế này.

b) Chi cho hoạt động quản lý Chương trình.

Chương II

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 7. Nội dung và mức hỗ trợ kinh phí đối với hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương

1. Tham gia hội chợ, triển lãm quốc tế ở nước ngoài đối với các sản phẩm, ngành hàng có tiềm năng xuất khẩu của tỉnh; hội chợ, triển lãm quốc tế ở nước ngoài về dịch vụ logistics.

a) Đối với đơn vị chủ trì: hỗ trợ 100% chi phí tổ chức gian hàng của tỉnh, gồm: tuyên truyền, quảng bá; thuê mặt bằng, thiết kế, trang trí, dàn dựng gian hàng; hàng mẫu trưng bày; công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia gian hàng; các chi phí khác (nếu có).

b) Đối với đơn vị tham gia: hỗ trợ 100% chi phí tham gia gian hàng riêng tại hội chợ triển lãm nhưng không quá 200 triệu đồng/01 đơn vị và mỗi đơn vị chỉ được hỗ trợ 01 lần/năm.

2. Tổ chức, tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại trên môi trường mạng: xây dựng khu vực trưng bày, giới thiệu hàng hóa xuất khẩu trên sàn giao dịch thương mại điện tử; tham gia gian hàng của các hội chợ, triển lãm quốc tế trên môi trường mạng; tổ chức hội chợ, triển lãm trên môi trường mạng; tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn quốc tế ngành hàng xuất khẩu, giao thương trên môi trường mạng; tổ chức đào tạo trên môi trường mạng.

Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Công thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 40/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Công thương Sửa đổi, bổ sung một số điều của của Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Công thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại.

3. Tổ chức đoàn khảo sát thị trường, giao dịch thương mại với tổ chức, doanh nghiệp ở nước ngoài.

a) Đối với đơn vị chủ trì: hỗ trợ 100% chi phí tuyên truyền, quảng bá và mời các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài đến giao thương; chi phí tổ chức hội nghị, hội thảo giao thương gồm: hội trường, trang thiết bị, trang trí, khu trưng bày sản phẩm mẫu, phiên dịch, tài liệu, thẻ tên, văn phòng phẩm, giải khát giữa giờ; công tác phí cho người của đơn vị chủ trì; các chi phí khác (nếu có).

b) Đối với đơn vị tham gia: hỗ trợ 100% chi phí vé máy bay/ vé tàu/ vé xe từ Việt Nam đến nước công tác và ngược lại (kể cả vé máy bay/vé tàu/vé xe trong nội địa nước đến công tác) và chi phí ăn ở cho 01 người/01 đơn vị tham gia.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là: 40 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Châu Á; 60 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực: Châu Âu, Châu Phi, Châu Úc, Bắc Mỹ, Tây Á; 100 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Trung Mỹ, Mỹ La Tinh.

4. Tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào tỉnh khảo sát thị trường, giao dịch với doanh nghiệp trong tỉnh; trao đổi cơ hội về đầu tư, hợp tác phát triển dịch vụ logistics.

Hỗ trợ đơn vị chủ trì 100% chi phí: đón tiếp đoàn doanh nghiệp nước ngoài; tổ chức hội thảo và giao thương; tuyên truyền, quảng bá, mời khách đến tham dự, giao dịch; các chi phí khác (nếu có).

5. Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn quốc tế tại Bắc Giang về sản phẩm, ngành hàng có tiềm năng xuất khẩu, dịch vụ logistics.

Hỗ trợ đơn vị chủ trì 100% chi phí: tuyên truyền, quảng bá, mời các tổ chức, doanh nghiệp tham gia; thuê và trang trí hội trường; trang thiết bị; khu trưng bày sản phẩm mẫu; phiên dịch; biên dịch, in ấn tài liệu, thẻ tên, văn phòng phẩm; giải khát giữa giờ; chi phí tiếp khách đối với đại biểu khách mời trung ương, đại biểu ngoại tỉnh và đại biểu quốc tế.

6. Xây dựng và phát hành thông tin, cơ sở dữ liệu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường xuất khẩu.

Hỗ trợ đơn vị chủ trì 100% chi phí: thu thập, mua thông tin cơ sở dữ liệu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường xuất khẩu; tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin, dữ liệu; biên tập, xây dựng báo cáo, cơ sở dữ liệu. Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 1,5 triệu đồng/01 đơn vị đăng ký và nhận thông tin.

7. Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, áp dụng và tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, điều kiện của các tổ chức nhập khẩu, cam kết quốc tế về sản phẩm xuất khẩu, nhập khẩu.

Hỗ trợ đơn vị chủ trì 100% chi phí: xây dựng tài liệu hướng dẫn, tiêu chuẩn, điều kiện của các tổ chức nhập khẩu, cam kết quốc tế về sản phẩm xuất khẩu, nhập khẩu; tổ chức phổ biến, tập huấn. Mỗi đơn vị tham gia được hỗ trợ không quá 02 học viên.

8. Tổ chức đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, phát triển thị trường.

Hỗ trợ đơn vị chủ trì 100% chi phí: biên soạn nội dung đào tạo, tập huấn; in ấn tài liệu, văn phòng phẩm; thù lao, ăn, ở, đi lại của giảng viên, báo cáo viên; thuê hội trường, thiết bị, trang trí, giải khát giữa giờ; các khoản chi khác (nếu có). Mỗi đơn vị tham gia được hỗ trợ không quá 02 học viên.

9. Các hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương khác do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Điều 8. Nội dung và mức hỗ trợ kinh phí đối với hoạt động xúc tiến thương mại thị trường trong nước

1. Tổ chức các hội chợ, triển lãm thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại, Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm (OCOP) và các chương trình quốc gia khác trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

a) Đối với đơn vị chủ trì: ngoài phần kinh phí ngân sách Trung ương đã hỗ trợ thì được hỗ trợ thêm tối đa 50% chi phí thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng; trang trí chung của hội chợ triển lãm; dịch vụ phục vụ: điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ; tổ chức khai mạc, bế mạc: giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng, chi phí ăn, nghỉ cho đại biểu dự khai mạc; tổ chức hội thảo: thuê hội trường, thiết bị, giải khát giữa giờ, tài liệu, thẻ tên, văn phòng phẩm; chi phí tuyên truyền quảng bá giới thiệu hội chợ triển lãm; chi phí quản lý của đơn vị tổ chức hội chợ triển lãm; các khoản chi khác (nếu có).

b) Đối với đơn vị tham gia: hỗ trợ 50% chi phí thuê gian hàng tiêu chuẩn nhưng không quá 10 triệu đồng/01 đơn vị.

2. Tham gia hội chợ, triển lãm tại các tỉnh, thành phố trong nước.

Hỗ trợ đơn vị chủ trì 100% chi phí: tổ chức gian hàng của tỉnh, gồm: tuyên truyền, quảng bá; thuê mặt bằng, thiết kế, trang trí, dàn dựng gian hàng; hàng mẫu trưng bày; công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia gian hàng; các chi phí khác (nếu có).

3. Tổ chức đoàn giao thương, xúc tiến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng của tỉnh tại các tỉnh, thành phố trong nước.

Hỗ trợ đơn vị chủ trì 100% chi phí: tuyên truyền, quảng bá, mời các tổ chức, doanh nghiệp đến giao thương; chi phí tổ chức hội nghị, hội thảo giao thương gồm: hội trường, trang thiết bị, trang trí, khu trưng bày sản phẩm mẫu, tài liệu, thẻ tên, văn phòng phẩm, giải khát giữa giờ; công tác phí cho người của đơn vị chủ trì; các chi phí khác (nếu có).

4. Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn kết nối cung cầu, xúc tiến tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa tại tỉnh Bắc Giang.

Hỗ trợ đơn vị chủ trì 100% chi phí: tuyên truyền, quảng bá, mời các tổ chức, doanh nghiệp tham dự; thuê và trang trí hội trường; trang thiết bị; khu trưng bày sản phẩm mẫu; biên soạn in ấn tài liệu, thẻ tên, văn phòng phẩm; giải khát giữa giờ; chi phí tiếp khách đối với đại biểu khách mời trung ương và đại biểu ngoại tỉnh; các chi phí khác (nếu có).

5. Tham gia hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn kết nối cung cầu, xúc tiến tiêu thụ sản phẩm hàng hóa của tỉnh Bắc Giang do các tỉnh, thành phố khác trong nước tổ chức.

Hỗ trợ đơn vị chủ trì 100% chi phí: tuyên truyền, quảng bá; hàng mẫu trưng bày; công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn.

6. Xây dựng nhãn hiệu, bao bì nhãn mác, tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng của tỉnh; sản phẩm OCOP; sản phẩm có thương hiệu, nhãn hiệu đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

Hỗ trợ đơn vị chủ trì 50% chi phí: xây dựng nhãn hiệu tập thể nhưng không quá 20 triệu đồng/01 sản phẩm; 50% chi phí thiết kế mới hoặc nâng cấp mẫu mã bao bì, nhãn mác và sản xuất bao bì, nhãn mác nhưng không quá 200 triệu đồng/01 sản phẩm; 50% chi phí tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm, nhưng không quá 20 triệu đồng/01 sản phẩm.

7. Tổ chức các sự kiện, phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn, các khu công nghiệp, khu đô thị trên địa bàn tỉnh.

a) Đối với đơn vị chủ trì: hỗ trợ 70% chi phí thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng; trang trí chung khu vực tổ chức hoạt động bán hàng; dịch vụ phục vụ: điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ; tổ chức khai mạc, bế mạc: giấy mời, đón

tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng; chi phí quản lý, nhân công phục vụ; tuyên truyền, quảng bá giới thiệu việc tổ chức các hoạt động bán hàng; các chi phí khác (nếu có).

b) Đối với đơn vị tham gia: hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng tiêu chuẩn, nhưng không quá 10 triệu đồng/01 đơn vị.

8. Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước; xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng chủ lực, đặc trưng, tiềm năng của tỉnh; nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại.

Hỗ trợ đơn vị chủ trì 100% chi phí: mua tư liệu; điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu; xuất bản và phát hành; các khoản chi khác (nếu có). Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 01 triệu đồng/01 đơn vị đăng ký và nhận thông tin.

9. Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa, dịch vụ Bắc Giang đến người tiêu dùng trong nước thông qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác.

Hỗ trợ đơn vị chủ trì 100% chi phí thực hiện sản phẩm truyền thông và phát hành. Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 95 triệu đồng/01 chuyên đề tuyên truyền.

10. Tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại thị trường trong nước tổng hợp: tháng khuyến mại; tuần hàng Việt Nam; ngày mua sắm trực tuyến; chương trình hàng Việt; chương trình giới thiệu sản phẩm mới; chương trình giới thiệu sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng, sản phẩm OCOP, sản phẩm làng nghề tại các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh.

Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia.

11. Đào tạo, tập huấn ngắn hạn về kỹ năng kinh doanh, tổ chức mạng lưới bán lẻ; đào tạo kỹ năng phát triển thị trường trong nước cho các đơn vị chủ trì; hợp tác với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu xây dựng chương trình phát triển thị trường trong nước.

Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 6 Thông tư số 171/2014/TT-BTC.

12. Các hoạt động xúc tiến thương mại thị trường trong nước khác do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Chương III

XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Điều 9. Xây dựng Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh hàng năm

1. Trước ngày 30 tháng 10 của năm trước năm kế hoạch, các đơn vị chủ trì gửi 02 hồ sơ đề xuất đề án thực hiện Chương trình đến Sở Công thương (qua Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại).

2. Hồ sơ đề xuất bao gồm:

a) Văn bản đề xuất đề án thực hiện Chương trình (theo Mẫu số 01 của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này).

b) Đề án chi tiết thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại (theo Mẫu số 02 của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này).

c) Bản sao quyết định thành lập hoặc điều lệ; báo cáo tình hình hoạt động xúc tiến thương mại của đơn vị trong năm gần nhất.

3. Đơn vị chủ trì được lựa chọn một trong các cách thức gửi hồ sơ sau:

a) Gửi qua đường bưu điện;

b) Nộp trực tiếp tại Sở Công thương (qua Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại).

Điều 10. Thẩm định, phê duyệt Chương trình

1. Sở Công thương chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ đề xuất đề án thực hiện Chương trình của các đơn vị chủ trì.

2. Nội dung thẩm định:

a) Phù hợp với định hướng chiến lược phát triển kinh tế của địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Phù hợp với nhu cầu thực tế của đơn vị tham gia thực hiện Chương trình.

c) Phù hợp với nội dung Chương trình quy định tại Điều 7 và Điều 8 Quy chế này.

d) Đảm bảo tính khả thi về phương thức triển khai; thời gian, tiến độ triển khai; nguồn nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất kỹ thuật.

đ) Đối với các đề án mà quá trình thực hiện kéo dài qua 02 năm tài chính, Đơn vị chủ trì phải xây dựng nội dung và kinh phí cho từng năm.

e) Sự phù hợp và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu của đề án.

3. Trên cơ sở kết quả thẩm định, Sở Công thương tổng hợp thành Chương trình xúc tiến thương mại hàng năm của tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 11. Điều chỉnh Chương trình

1. Trường hợp cần điều chỉnh, thay đổi nội dung, kinh phí, thời gian thực hiện Chương trình đã được phê duyệt, đơn vị chủ trì phải có văn bản giải thích rõ lý do và đề xuất phương án điều chỉnh gửi Sở Công thương xem xét trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

2. Trường hợp đơn vị chủ trì không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nội dung, mục tiêu, tiến độ đề án thuộc Chương trình đã được phê duyệt hoặc xét thấy nội dung đề án không còn phù hợp, Giám đốc Sở Công thương quyết định

chậm dứt việc thực hiện đề án và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh Chương trình.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Công thương

a) Chủ trì hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy chế này.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giám sát, kiểm tra việc thực hiện Chương trình, bảo đảm Chương trình được thực hiện theo đúng yêu cầu, mục tiêu, nội dung, tiến độ và quy định của pháp luật.

c) Tổng kết việc thực hiện Quy chế; báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung quy chế trong trường hợp cần thiết.

d) Không tiếp nhận đề án trong năm tiếp theo đối với đơn vị chủ trì vi phạm các quy định tại Quy chế này.

2. Sở Tài chính

a) Tổng hợp kinh phí Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh trong dự toán ngân sách hàng năm của Sở Công thương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

b) Phối hợp với Sở Công thương và đơn vị liên quan thẩm định hồ sơ đề xuất đề án thực hiện Chương trình; kiểm tra, giám sát thực hiện và quyết toán kinh phí xúc tiến thương mại tỉnh hàng năm theo quy định.

3. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với Sở Công thương và các đơn vị chủ trì trong việc tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề án xúc tiến thương mại của tỉnh; thông báo nội dung Quy chế này đến các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thuộc đơn vị, địa phương mình quản lý biệt, thực hiện.

4. Đơn vị chủ trì

a) Tổ chức thực hiện đề án thuộc Chương trình đã được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ và dự toán; đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả và chịu trách nhiệm về nội dung chi, mức chi theo đúng chế độ tài chính hiện hành.

b) Lựa chọn đối tượng tham gia phù hợp với tiêu chí theo quy định. Nội dung tham gia của đơn vị phải phù hợp với sản phẩm, dịch vụ của đơn vị.

c) Khi thực hiện xong đề án, các đơn vị chủ trì phải có báo cáo kết quả gửi về Sở Công thương.

d) Cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin trung thực liên quan đến tình hình thực hiện đề án và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định hiện hành.

5. Đơn vị tham gia

a) Thực hiện đăng ký tham gia đề án thuộc Chương trình với đơn vị chủ trì theo quy định.

b) Có trách nhiệm báo cáo tình hình, đánh giá kết quả tham gia đề án cho đơn vị chủ trì.

c) Cung cấp đầy đủ chứng từ, phối hợp chặt chẽ với đơn vị chủ trì thực hiện thanh quyết toán sau khi đề án thuộc Chương trình kết thúc.

Điều 13. Khen thưởng và xử lý vi phạm

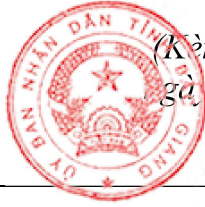
1. Các tổ chức, cá nhân có thành tích trong thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh được xem xét khen thưởng theo quy định hiện hành.

2. Các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này, nếu phát sinh những khó khăn, vướng mắc, các đơn vị chủ trì, đơn vị tham gia thực hiện Chương trình, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Công thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế ./.



Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số 54 /2021/QĐ-UBND
ngày 31 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Bắc Giang)

Mẫu số 01	Văn bản đề xuất đề án thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Giang năm.....
Mẫu số 02	Đề án chi tiết hoạt động xúc tiến thương mại

Mẫu số 01

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: /
V/v đề xuất Chương trình xúc tiến
thương mại tỉnh Bắc Giang năm.....

Bắc Giang, ngày.....tháng.....năm 20.....

Kính gửi: Sở Công thương tỉnh Bắc Giang

(Tên đơn vị chủ trì) đề xuấtđề án xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Giang nămvới tổng kinh phí đề nghị nhà nước hỗ trợ làtriệu đồng.

(Tên đơn vị chủ trì) gửi kèm đây các tài liệu sau:

1. Danh mục đề án thuộc Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Giang năm được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên.
2. Đề án chi tiết.
3. Bản sao (không cần chứng thực) quyết định thành lập hoặc Điều lệ (hoặc văn bản có giá trị tương đương), báo cáo tình hình hoạt động xúc tiến thương mại của đơn vị chủ trì trong năm gần nhất.

(Tên đơn vị chủ trì) cam kết tổ chức triển khai thực hiện Chương trình và sử dụng kinh phí được hỗ trợ theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

Đề nghị Sở Công thương tiếp nhận, thẩm định trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐỀ ÁN

Tên đề án:.....

1. Sự cần thiết và căn cứ lập đề án

- Nêu rõ căn cứ pháp lý và sự cần thiết phải triển khai thực hiện đề án.
- Đối với đề xuất tổ chức tham gia hội chợ triển lãm trong và ngoài nước, bổ sung thêm thông tin giới thiệu về hội chợ.

2. Mục tiêu

Nêu cụ thể những mục tiêu của đề án cần đạt được.

3. Nội dung

Xác định rõ nội dung công việc cần thực hiện.

4. Phương thức triển khai

Nêu rõ đối tác, nguyên tắc phối hợp để đạt mục tiêu đề án.

5. Kế hoạch triển khai và tiến độ thực hiện

- Nêu cụ thể thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc đề án.
- Đối với đề án đề xuất trung hạn: xây dựng Kế hoạch triển khai và tiến độ thực hiện của từng năm trong giai đoạn đề xuất.

6. Dự toán kinh phí:

- Tổng dự toán kinh phí:đồng
- Phần đề nghị Nhà nước hỗ trợ:đồng

Đối với đề án trung hạn: xây dựng dự toán chi tiết của từng năm trong giai đoạn.

7. Hiệu quả dự kiến

Phân tích hiệu quả dự kiến cả về mặt định tính và định lượng, ngắn hạn và dài hạn, trực tiếp và gián tiếp phù hợp với mục tiêu đề ra của đề án.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)